

Số: 28/21/CBTT-DBT
Vv: CBTT BCTC Hợp nhất
Quý 1 năm 2021

TP.Bến Tre, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6A3, quốc lộ 60, P.Phú Tân, TP.Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TPHCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM.
5. Điện thoại: 0283.622.0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 29 tháng 04 năm 2021 gồm: BCĐKT hợp nhất, BCKQKD hợp nhất, BCLCTT hợp nhất, Thuyết minh BCTC hợp nhất.
 - 7.2. Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2021 lỗ 328.474.832 đồng, giảm 6.301.016.554 đồng so với Quý 1 năm 2020, nguyên nhân do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid 19 làm doanh thu sụt giảm, các chính sách hỗ trợ thị trường được triển khai để kích cầu doanh số, làm tăng chi phí bán hàng so với Quý 1 năm 2020.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



PHẠM THỨ TRIỆU

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		652,973,199,073	701,638,384,392
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33,461,728,616	31,642,636,528
1. Tiền	111	4	23,461,728,616	18,642,636,528
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	13,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	55,000,000,000	55,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55,000,000,000	55,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151,669,164,632	201,323,769,508
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	138,896,069,632	188,234,206,927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4,115,644,466	3,871,332,345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10,795,161,087	11,355,940,789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2,137,710,553)	(2,137,710,553)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	393,885,675,401	397,312,526,827
1. Hàng tồn kho	141		397,637,842,645	402,285,973,389
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,752,167,244)	(4,973,446,562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,956,630,424	16,359,451,529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4,013,559,141	834,291,025
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17	14,943,071,283	15,525,160,504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192,042,821,209	195,967,918,462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	4,445,049,548	4,970,414,087
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		4,445,049,548	4,970,414,087
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77,821,833,123	79,936,073,735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	73,485,614,917	75,488,113,759
- Nguyên giá	222		180,858,908,291	181,001,403,201
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107,373,293,374)	(105,513,289,442)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	4,336,218,206	4,447,959,976
- Nguyên giá	228		6,596,578,777	6,596,578,777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,260,360,571)	(2,148,618,801)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	-	-
- Nguyên giá	231		52,826,363	52,826,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52,826,363)	(52,826,363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	6,857,703,612	5,449,091,839
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6,857,703,612	5,449,091,839
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	53,242,510,529	54,413,292,779
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,242,510,529	54,413,292,779
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49,675,724,397	51,199,046,022
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	42,892,117,469	43,193,320,437
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,355,589,597	3,387,860,862
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	16	4,428,017,331	4,617,864,723
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		845,016,020,282	897,606,302,854

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		608,817,685,912	650,380,951,274
I. Nợ ngắn hạn	310		589,315,088,912	628,418,444,274
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	182,991,723,602	200,404,624,602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,380,357,854	440,154,188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1,374,754,288	8,000,744,003
4. Phải trả người lao động	314		2,214,409,746	7,492,667,129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	702,488,235	4,884,717,148
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45,000,000	180,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		7,956,094,108	1,814,199,982
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	391,952,253,260	403,906,829,403
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		698,007,819	1,294,507,819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19,502,597,000	21,962,507,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		130,500,000	130,500,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	19,372,097,000	21,832,007,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236,198,334,370	247,225,351,580
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	236,148,334,370	247,175,351,580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142,051,160,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142,051,160,000	135,288,140,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		433,056,160	433,056,160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1,194,271,921	895,826,918
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9,354,804,815	9,354,804,815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2,536,822,093	2,536,822,093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23,397,120,293	42,615,082,389
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23,749,642,921	31,310,437,024
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(352,522,628)	11,304,645,365
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		57,181,099,088	56,051,619,205
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50,000,000	50,000,000
1. Nguồn kinh phí	431		50,000,000	50,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		845,016,020,282	897,606,302,854



Đỗ Trần Văn Hạnh
Người lập



Nguyễn Khắc Hanh
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	155,711,041,536	204,237,593,230	155,711,041,536	204,237,593,230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22.1	8,386,847,311	797,394,928	8,386,847,311	797,394,928
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.1	147,324,194,225	203,440,198,302	147,324,194,225	203,440,198,302
4. Giá vốn hàng bán	11	23	101,117,675,539	149,913,579,894	101,117,675,539	149,913,579,894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46,206,518,686	53,526,618,407	46,206,518,686	53,526,618,407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	2,817,781,395	2,208,610,413	2,817,781,395	2,208,610,413
7. Chi phí tài chính	22	24	6,322,889,808	5,444,969,940	6,322,889,808	5,444,969,940
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,203,698,927	5,176,034,511	6,203,698,927	5,176,034,511
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		177,848,236	-	177,848,236	-
9. Chi phí bán hàng	25	25	32,424,595,202	28,468,879,587	32,424,595,202	28,468,879,587
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9,239,344,958	14,687,811,893	9,239,344,958	14,687,811,893
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,215,318,349	7,133,567,400	1,215,318,349	7,133,567,400
12. Thu nhập khác	31	26	158,744,551	573,965,756	158,744,551	573,965,756
13. Chi phí khác	32	26	3,897,205	480,899	3,897,205	480,899
14. Lợi nhuận khác	40	26	154,847,346	573,484,857	154,847,346	573,484,857
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,370,165,695	7,707,052,257	1,370,165,695	7,707,052,257
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	666,369,262	1,734,510,535	666,369,262	1,734,510,535
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	1,032,271,265	-	1,032,271,265	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(328,474,832)	5,972,541,722	(328,474,832)	5,972,541,722
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(316,522,628)	4,619,616,136	(316,522,628)	4,619,616,136
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(11,952,204)	1,352,925,586	(11,952,204)	1,352,925,586
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			341		341
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			341		341

Đỗ Trần Văn Hạnh
Người lập

Nguyễn Khắc Hạnh
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,370,165,695	7,707,052,257
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02	11, 12	(1,971,745,702)	3,051,590,598
- Các khoản dự phòng	03	6, 9	(1,221,279,318)	(208,248,492)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	24	1,512,338,154	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(589,468,299)	(819,208,628)
- Chi phí lãi vay	06	24	6,203,698,927	5,176,034,511
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5,303,709,457	14,907,220,246
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65,774,153,349	(5,519,551,311)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,639,437,691)	8,480,929,989
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32,622,134,914)	(35,055,276,699)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,878,065,148)	515,015,495
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6,183,334,710)	(5,176,034,511)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,906,675,782)	(1,803,988,767)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1,881,676,015
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(318,000,000)	(342,629,222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,530,214,561	(22,112,638,765)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	11, 12	(1,689,697,364)	(345,138,581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19,800,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,000,000,000	480,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,343,972,034	819,208,628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,363,772,034	954,070,047



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

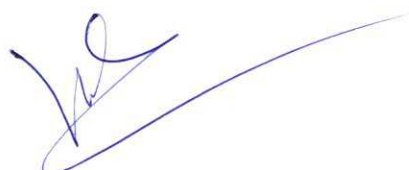
Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	20	151,332,796,756	175,230,424,040
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(165,981,252,899)	(151,112,965,783)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,289,876,427)	
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	36	21	(109,898,013)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24,048,230,583)	24,117,458,257
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,845,756,012	2,958,889,539
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31,642,636,528	31,784,441,041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(26,663,924)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	33,461,728,616	34,743,330,580



Đỗ Trần Văn Hạnh
Người lập



Nguyễn Khắc Hanh
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 29 tháng 04 năm 2021



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 7 Đường 29/3. Khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 610 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 610 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	82,15	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00	51,00
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 6 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 **Các khoản đầu tư**

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng, thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng và công văn số 3279/CV-NVDTPC ký với Cục Thuế Tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong năm kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	20.053.799.264	14.794.990.916
Tiền mặt	3.407.929.352	3.847.645.612
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	33.461.728.616	31.642.636.528

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và được hưởng tiền lãi với lãi suất từ 2,9% đến 5,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Trái phiếu (**)	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
TỔNG CỘNG	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

- (*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,4%/năm. Một khoản tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Phú Nhuận đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 20.1).
- (**) Đây là 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 20.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	197.684.842	117.268.767
Các bên khác	<u>138.698.384.790</u>	<u>188.116.938.160</u>
TỔNG CỘNG	138.896.069.632	188.234.206.927
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.137.710.553)</u>	<u>(2.137.710.553)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>136.758.359.079</u>	<u>186.096.496.374</u>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 20.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.137.710.553	910.484.654
Dự phòng trích lập trong năm	-	1.359.209.694
Xóa sổ	-	(109.444.390)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(22.539.405)
Số cuối năm	<u>2.137.710.553</u>	<u>2.137.710.553</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	550.200.000	550.200.000
Các bên khác	3.565.444.466	3.321.132.345
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Dương	2.388.268.576	1.492.667.860
Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam		569.945.000
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	276.228.810	-
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	49.500.000	-
Viện kiểm nghiệm thuốc TP.HCM	33.500.000	-
Hanh Ngo Inc	82.655.145	-
Khác	735.291.935	1.258.519.485
TỔNG CỘNG	4.115.644.466	3.871.332.345

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	10.795.161.087	11.355.940.789
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.677.756.892	3.940.568.270
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	2.958.865.000
Tạm ứng cho nhân viên	6.253.671.512	2.510.282.774
Các khoản chi hộ	1.432.318.440	1.264.292.144
Lãi ngân hàng dự thu	325.786.304	305.221.920
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	1.103.407.539	140.369.081
Khác	2.220.400	236.341.600
Dài hạn	4.445.049.548	4.970.414.087
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.075.049.548	3.504.014.087
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)		-
Khác		96.400.000
TỔNG CỘNG	15.240.210.635	16.326.354.876

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	355.779.663.654	(3.752.167.244)	366.701.290.926	(4.973.446.562)
Nguyên liệu, vật liệu	12.874.419.958	-	15.390.649.802	-
Hàng đang đi trên đường	23.291.268.883	-	13.903.136.097	-
Thành phẩm	4.079.401.944	-	5.361.808.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.544.032.450	-	922.978.049	-
Hàng gửi đi bán	-	-	4.935.645	-
Công cụ, dụng cụ	69.055.756	-	1.174.378	-
TỔNG CỘNG	397.637.842.645	(3.752.167.244)	402.285.973.389	(4.973.446.562)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	4.973.446.562	788.935.440
Dự phòng trích lập trong năm	-	11.704.430.861
Sử dụng và bán trong năm	(1.221.279.318)	(7.337.601.795)
Xuất hủy trong năm	-	(182.317.944)
Số cuối năm	3.752.167.244	4.973.446.562

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	4.013.559.141	834.291.025
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	864.242.175	605.584.070
Chi phí mua bảo hiểm	45.410.057	70.129.387
Chi phí sửa chữa và bảo trì	8.383.159	67.555.515
Thuê mặt bằng	659.846.250	-
Chi phí đại hội khách hàng	2.435.677.500	-
Khác	-	91.022.053
Dài hạn	42.892.117.469	43.193.320.437
Tiền thuê đất trả trước (*)	35.745.635.691	35.782.820.570
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.666.680.442	4.836.597.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.539.387.331	1.553.067.285
Quyền phân phối sản phẩm	437.500.000	583.333.333
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	297.036.914	333.503.906
Khác	205.877.091	103.998.141
TỔNG CỘNG	46.905.676.610	44.027.611.462

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 20.1).

(**) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
VND					
Nguyên giá:					
Số đầu năm	86.125.004.910	69.432.705.794	17.087.082.878	8.356.609.619	181.001.403.201
Mua trong kỳ	-	336.590.145	-	78.043.000	414.633.145
Thanh lý	-	-	(557.128.055)	-	(557.128.055)
Số cuối kỳ	86.125.004.910	69.769.295.939	16.529.954.823	8.434.652.619	180.858.908.291
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(37.150.785.688)	(50.638.081.354)	(10.073.479.720)	(7.650.942.680)	(105.513.289.442)
Khấu hao trong kỳ	(997.390.335)	(1.040.412.496)	(323.016.105)	(56.313.012)	(2.417.131.948)
Thanh lý	-	-	(557.128.016)	-	(557.128.016)
Số cuối kỳ	(38.148.176.023)	(51.678.493.850)	(9.839.367.809)	(7.707.255.692)	(107.373.293.374)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	48.974.219.222	18.794.624.440	7.013.603.158	705.666.939	75.488.113.759
Số cuối kỳ	47.976.828.887	18.090.802.089	6.690.587.014	727.396.927	73.485.614.917

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
Nguyên giá:				VND
Số đầu năm	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
Mua trong kỳ	-	83.290.000	314.500.000	397.790.000
Số cuối kỳ	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	150.200.000	-	150.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(438.441.925)	(1.699.693.544)	(10.483.332)	(2.148.618.801)
Hao mòn trong kỳ	(39.273.718)	(373.158.547)	(10.483.332)	(422.915.597)
Điều chỉnh giảm hao mòn lũy kế	(311.173.827)	-	-	(311.173.827)
Số cuối kỳ	(166.541.816)	(2.072.852.091)	(20.966.664)	(2.260.360.571)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.864.546.532	279.396.776	304.016.668	4.447.959.976
Số cuối kỳ	4.136.446.641	(93.761.771)	293.533.336	4.336.218.206

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và cuối kỳ	<u>52.826.363</u>
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	52.826.363
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm và cuối kỳ	<u>(52.826.363)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm và cuối kỳ	<u>-</u>

Đây là Quyền sử dụng đất tại số 9, đường Đồng Khởi, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở về mức giá cho thuê của bất động sản đầu tư.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

	VND	VND
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>277.000.000</u>	<u>253.636.364</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thiết bị nhà máy vi sinh	6.561.793.612	5.156.140.939
Máy đóng gói chất lỏng tự động	292.950.900	292.950.900
Dự án Nghiên cứu Y tế ở nước ngoài	-	-
TỔNG CỘNG	<u>6.857.703.612</u>	<u>5.449.091.839</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Codupha"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đồng dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm
Trung ương Codupha

Giá gốc đầu tư:

Số đầu năm và cuối năm 48.108.225.000

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	6.305.067.779
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	177.848.236
Cổ tức được chia trong năm	(374.594.646)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.272.480.843)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	298.445.003
Số cuối năm	<u>5.134.285.529</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	<u>54.413.292.779</u>
Số cuối năm	<u>53.242.510.529</u>

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị 32.632.000.000 VND được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 20.1).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND		
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>3.284.615.191</u>	<u>4.309.280.504</u>	<u>7.593.895.695</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Số đầu năm	(1.395.961.453)	(1.580.069.519)	(2.976.030.972)
Phân bổ trong năm	<u>(82.115.379)</u>	<u>(107.732.013)</u>	<u>(189.847.392)</u>
Số cuối năm	<u>(1.478.076.832)</u>	<u>(1.687.801.532)</u>	<u>(3.165.878.364)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>1.888.653.738</u>	<u>2.729.210.985</u>	<u>4.617.864.723</u>
Số cuối năm	<u>4.762.692.023</u>	<u>5.997.082.036</u>	<u>4.428.017.331</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	96.048.565	157.818.077
Các bên khác	182.895.675.037	200.246.806.525
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	52.672.539.770	73.385.709.734
<i>Gedeon Richter Plc</i>	43.796.285.336	31.308.635.797
<i>Khác</i>	<u>86.426.849.931</u>	<u>95.552.460.994</u>
TỔNG CỘNG	<u>182.991.723.602</u>	<u>200.404.624.602</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.909.865.502	666.369.262	(5.906.675.782)	664.854.481
Thuế thu nhập cá nhân	1.916.265.904	1.389.450.260	(2.653.528.305)	652.187.859
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	53.145.913	(53.145.913)	-
Thuế khác	-	27.445.515	(27.445.515)	-
TỔNG CỘNG	8.000.744.003	2.136.410.950	(8.640.795.515)	1.317.042.340
Phải thu				
Thuế GTGT	15.525.160.504	38.310.772.438	(38.995.617.745)	14.943.071.283
Khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	15.525.160.504	38.310.772.438	(38.995.617.745)	14.943.071.283

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	70.159.860	3.639.270.774
Lãi vay	455.828.994	529.988.613
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	-	333.330.406
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	110.000.000	110.000.000
Khác	66.499.381	272.127.355
TỔNG CỘNG	702.488.235	4.884.717.148

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

20. VAY

VND

	Số đầu năm	Vay trong năm	Phân loại lại	Trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	403.906.829.403	151.566.766.756	-	(163.521.342.899)	391.952.253.260
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	399.079.752.766	151.332.796.756	2.000.000.000	(163.187.372.899)	389.225.176.623
Vay các bên khác (Thuyết minh số 20.2)	187.436.637	-	-	(100.000.000)	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	4.639.640.000	233.970.000	(2.000.000.000)	(233.970.000)	2.639.640.000
Vay dài hạn	21.832.007.000	-	-	(2.459.910.000)	19.372.097.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	17.832.007.000	-	-	(659.910.000)	17.172.097.000
Vay một bên khác (Thuyết minh số 20.4)	4.000.000.000	-	-	(1.800.000.000)	2.200.000.000
TỔNG CỘNG	425.738.836.403	151.566.766.756	-	(165.981.252.899)	411.324.350.260

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
-----------	---------------------	-----------------------	---------------------

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	260.782.004.996	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2021 đến ngày 31 tháng 8 năm 2021	Từ 5,8 đến 6,3
-------------	-----------------	---	----------------

1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 2.271.150 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành và 4.366.680 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
-----------	---------------------	-----------------------	---------------------

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận			
Khoản vay 1	46.562.311.694	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	Từ 5,5 đến 6,5

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HDTG-KHDN/2020 trị giá 3.000.000.000 VND; Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thừa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho được phẩm các loại.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre			
Khoản vay 1	11.272.079.342	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2021 đến ngày 1 tháng 6 năm 2021	Từ 5,3 đến 5,8

Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BN 325781; Hàng tồn kho được phẩm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	---------------------	-----------------------	---------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	11.272.079.342	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2021 đến ngày 1 tháng 6 năm 2021	Từ 5,3 đến 5,8	Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BN 325781; Hàng tồn kho được phẩm.
-------------	----------------	---	----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

Khoản vay 1	29.834.836.142	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 4 tháng 8 năm 2021	Từ 5,8 đến 6,3	Tin chấp
-------------	----------------	---	----------------	----------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	21.582.843.985	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2021	Từ 6,5 đến 6,7	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BD 202192 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
-------------	----------------	---	----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình

Khoản vay 1	19.191.100.464	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2021 đến ngày 11 tháng 9 năm 2021	Từ 5,7 đến 6,2	Quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.
-------------	----------------	--	----------------	---

TỔNG CỘNG 389.225.176.623



Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

20.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

20.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái					
Khoản vay 1	11.650.000.000	Ngày 3 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	9	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm tại tỉnh Bến Tre.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre					
Khoản vay 1	7.093.737.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre					
Khoản vay 1	1.068.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	<u>19.811.737.000</u>				
Trong đó:					
Vay dài hạn	2.639.640.000				
đến hạn trả	17.172.097.000				
Vay dài hạn					

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2021

20.4 Vay dài hạn một bên khác

Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Vương Hạnh Phương để tài trợ vốn lưu động trong năm. Khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn tới 30 tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản bảo đảm.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Lợi nhuận thuần trong năm	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Thù lao cho Hội đồng Quản trị	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	Số cuối kỳ	Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu									
								Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng			
	135.288.140.000																
		433.056.160	-	-	-	-	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228							
			-	-	-	-			11.304.645.365	11.304.645.365							
			-	-	-	-			(706.638.275)	(706.638.275)							
			-	-	-	-			(1.485.122.222)	(1.485.122.222)							
			-	-	895.826.918	-			(934.628.796)	(38.801.878)							
			-	-	-	-			(1.272.480.843)	(1.272.480.843)							
	135.288.140.000	433.056.160	895.826.918	9.354.804.815	2.536.822.093	42.615.082.389	191.123.732.375										

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Trình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay							
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	895.826.918	9.354.804.815	2.536.822.093	42.615.082.389 (6.763.020.000)	191.123.732.375 -
Phát hành cổ phiếu	6.763.020.000	-	-	-	-	(352.522.628)	(352.522.628)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	298.445.003	596.890.006
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	298.445.003	-	-	-	298.445.003
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	-	-	-	(12.400.864.471)	(12.400.864.471)
Số cuối kỳ	142.051.160.000	433.056.160	1.194.271.921	9.354.804.815	2.536.822.093	23.397.120.293	178.967.235.282

VND

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	135.288.140.000	135.288.140.000
Phát hành cổ phiếu	6.763.020.000	-
Số cuối năm	<u>142.051.160.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.205.116	13.528.814

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước
Số đầu năm	56.051.619.205	54.492.018.210
Lợi nhuận thuần trong năm	(11.952.204)	1.352.925.586
Cổ tức được chia	(107.732.013)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	(411.426.000)	
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	
Chi nộp theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	-	
Khác	1.660.590.101	(1.995.980.388)
Số cuối kỳ	<u>57.181.099.088</u>	<u>53.848.963.408</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước
Tổng doanh thu	155.711.041.536	173.238.732.013
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	152.119.458.677	173.238.732.013
Doanh thu bán thành phẩm	3.314.582.859	
Doanh thu cho thuê mặt bằng	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	277.000.000	
Khoản giảm trừ doanh thu	(8.386.847.311)	(772.330.471)
Chiết khấu thương mại	(5.055.041.480)	(508.994.041)
Giảm giá hàng bán	(3.318.907.467)	(10.542.857)
Hàng bán bị trả lại	(12.898.364)	(252.793.573)
Doanh thu thuần	147.324.194.225	172.466.401.542
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	147.047.194.225	
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	277.000.000	
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	146.598.200.785	
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	725.993.440	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.577.542.649	2.208.610.413	
Lãi tiền gửi	144.431.954		
Chiết khấu thanh toán	95.806.792		
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-		
Khác	-		
TỔNG CỘNG	2.817.781.395	2.208.610.413	

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước	VND
Giá vốn hàng hóa	88.151.657.636	149.913.579.894	
Giá vốn thành phẩm	12.903.291.873		
Giá vốn cho thuê hoạt động	62.726.030		
TỔNG CỘNG	101.117.675.539	149.913.579.894	

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước	VND
Chi phí lãi vay	6.203.698.927	5.176.034.511	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-		
Chiết khấu thanh toán	53.760.885		
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.429.996		
Khác	-	268.935.429	
TỔNG CỘNG	6.322.889.808	5.444.969.940	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước
Chi phí bán hàng	32.424.595.202	28.468.879.587
Chi phí nhân viên	16.918.249.832	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.572.409.514	
Chi phí khấu hao và hao mòn	415.284.107	
Chi phí hàng khuyến mãi	6.006.619.464	
Khác	3.512.032.285	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.239.344.958	14.687.811.893
Chi phí nhân viên	4.310.603.089	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.262.068.252	
Chi phí khấu hao và hao mòn	257.140.003	
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	189.847.392	
Khác	2.219.686.222	
TỔNG CỘNG	41.663.940.160	43.156.691.480

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước
Thu nhập khác	1.700.602.192	573.965.756
Hàng được nhận khuyến mãi	23.137.032	
Xóa sổ công nợ	385.480	
Tiền phạt và tiền bồi thường nhận được	57.660.542	
Cho thuê mặt bằng		
Tài trợ nhận được từ nhà cung cấp		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	18.000.000	
Khác	59.561.497	
Chi phí khác	(3.897.205)	(480.899)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	154.847.346	573.484.857

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Quý 1 năm này
Chi phí hàng hóa	88.151.657.636
Chi phí nhân viên	31.476.335.317
Chi phí nguyên vật liệu	19.431.622.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.446.931.688
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 16)	2.556.187.621
Chi phí khác	10.623.365.243
TỔNG CỘNG	161.686.099.892

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Quý 1 năm này	Quý 1 năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.459.655.195	1.734.510.535
Giảm thuế TNDN	(1.402.166.995)	
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những năm trước (*)	(391.118.938)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	666.369.262	
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.032.271.265	
TỔNG CỘNG	1.698.640.527	1.734.510.535

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kế thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

28.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Quý 1 năm này</i>	<i>Quý 1 năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>2.355.589.597</u>	<u>3.387.860.862</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			<u>1.032.271.265</u>	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết Bán hàng hóa		<u>117.268.767</u>
Ứng trước cho người bán ngắn hạn			
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan Mua dịch vụ	<u>550.200.000</u>	<u>550.200.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết Cổ tức được chia	-	<u>2.958.865.000</u>
			<u>2.958.865.000</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kể thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan

Mối quan hệ

Nội dung nghiệp vụ

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Phải trả cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Công ty liên kết

Mua hàng hóa

96.048.565

157.818.077

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5.283.260.500	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư		
Y tế Quảng Ngãi	66.641.390	-
Đại lý Cao Văn Tươi	33.111.268	-
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6.584.879	-
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3.106.853	-
Ngoại tệ		
USD	42.078,41	234,24
EUR	12.848,18	201,85

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

.Ngày 27/04/2021 Hội Đồng Quản Trị Công ty đã thống nhất thoái vốn tại Công ty CP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang: thoái vốn toàn bộ 4.366.680 cổ phần Biopharco (tương đương 51% vốn điều lệ của Dược Bến Tre). Thời gian thực hiện: dự kiến trong quý 02/2021.


Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đỗ Trần Văn Hanh
Người lập



Nguyễn Khắc Hanh
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2021